

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý,
vận hành công trình thủy lợi cho tuyến đê Đông
và các đập ngăn mặn trên địa bàn tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 62/2018/NĐ-CP ngày 02/5/2018 của Chính phủ quy định về hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Quyết định số 2891/QĐ-BNN-TL ngày 12/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Văn bản số 1923/TCTL-QLCT ngày 24/11/2022 của Tổng Cục Thủy lợi về việc ý kiến về định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 416/TTr-SNN ngày 05/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, vận hành công trình thủy lợi cho tuyến đê Đông và các đập ngăn mặn trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn các đơn vị có liên quan thực hiện định mức nêu trên; chủ động giải quyết những vướng mắc phát sinh, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục Thủy lợi;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVPNN;
- Lưu: VT, K10;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC
Định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý,
vận hành công trình thủy lợi cho tuyến đê Đông
và các đập ngăn mặn trên địa bàn tỉnh Bình Định

1. Định mức lao động trực tiếp đối với công, tràn trên tuyến đê Đông và các Đập ngăn mặn:

T	Công tác	Công lao động <i>(công/năm)</i>
I	Công trình công và tràn trên tuyến đê Đông	10.035,00
1	<i>Quản lý vận hành tràn trên đê</i>	2.040,32
-	Công tác vận hành	234,32
-	Công tác quan trắc	728,35
-	Công tác tu sửa bảo dưỡng	1.026,33
-	Công tác kiểm tra bảo vệ	51,32
2	<i>Quản lý vận hành công lớn trên đê</i>	7.995,48
-	Công tác vận hành	2.669,70
+	<i>Kiểm tra trước khi vận hành</i>	780,00
+	<i>Đọc mực nước, ghi số</i>	87,75
+	<i>Vận hành đóng/mở công (bao gồm đi lại)</i>	1.801,95
-	Công tác quan trắc	3.501,62
-	Công tác tu sửa bảo dưỡng	1.483,46
+	<i>Thời gian đi lại</i>	1,47
+	<i>Bảo dưỡng máy đóng mở</i>	827,55
+	<i>Bảo dưỡng phần công trình thủy công</i>	222,94
+	<i>Bảo dưỡng cánh công</i>	431,50
-	Công tác kiểm tra bảo vệ	340,69
II	Công trình Đập ngăn mặn	8.705,07
1	Đập Ngăn mặn sông Lại Giang	1.878,96
2	Đập Trà Ô	576,89
3	Đập Đức Phô	972,28
4	Đập Văn Mới	871,17
5	Đập An Thuận	682,32
6	Đập Cây Dừa	575,21
7	Đập Lạc Trường	258,52
8	Đập Phú Xuân	724,78
9	Đập Phú Hòa	652,76
10	Đập Nha Phu	726,35
11	Đập Hạ Bạc	189,02
12	Đập Ông Khéo	596,81

Ghi chú: Định mức lao động trực tiếp quản lý vận hành công trình tràn và công trên tuyến đê Đông không bao gồm lao động của Trạm thủy lợi Hà Thanh và lực lượng quản lý đê nhân dân.

2. Định mức tiêu hao vật tư, nguyên nhiên liệu cho công tác vận hành, bảo dưỡng máy móc, thiết bị

Đơn vị tính/năm

TT	Hạng mục	Dầu nhờn (lit/năm)	Mỡ các loại (kg/năm)	Dầu Diesel (lit/năm)	Giẻ lau (kg/năm)	Điện vận hành (Kwh)	Xăng Ron 92 (lít)	Ván gỗ (m ² /năm)	Cát (m ³ /năm)	Rơm (tấn/năm)	Bạt (m ² /năm)
I	Tuyến Đê Đông										
1	Vật tư vận hành, bảo dưỡng công, tràn trên tuyến đê Đông	133,1	155,6	210,3	219,0	23.907,8	38				
2	Vật tư cho Đập ngăn mặn										
-	Đập Ngăn mặn sông Lại Giang	32,0	144,0	172,0	170,0	2.368,0					
-	Đập Trà Ô	9,2	7,2	14,0	15,2						
-	Đập Đức Phở	40,0	50,0	56,0	61,0	616,7					
-	Đập Văn Mới	35,2	40,0	51,2	53,6	1.760,0					
-	Đập An Thuận	15,6	16,8	20,7	21,3	3.960,0					
-	Đập Cây Dừa	2,4	0,8	25,6	14,0			105,6	63,00	6,05	422,52
-	Đập Lạc Trường	2,3	1,8	3,5	3,8			20,16	45,00	4,32	301,80
-	Đập Phú Xuân	36,0	45,0	50,4	54,9	166,5					
-	Đập Phú Hòa	20,0	25,0	28,0	30,5	2.589,4					
-	Đập Nha Phu	26,4	30,0	38,4	40,2	3.960,0					
-	Đập Hạ Bạc							36	15,12	1,45	102,15
-	Đập Ông Khéo	12,8	18,0	20,0	20,0	74,0		47,6	14,28	1,37	109,48
II	Vật tư phụ	Tính bằng 5% giá trị các vật tư chính kể trên									